

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được thành lập theo quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/TĐSD-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn sông Đà về Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/9/2017 về việc điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong Phương án cổ phần hóa.

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/11/2017 về việc chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH MTV theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 107.000.000.000 đồng (Một trăm linh bảy tỷ đồng chẵn).

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 8/11/2017 là 238.500.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng)

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 125D Phố Minh Khai - Phường Minh Khai - Q. Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
	Ông Dương Văn Hồng	Ủy viên
	Ông Phạm Việt Hùng	Ủy viên
	Ông Trịnh Nam Hải	Ủy viên
	Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Dương Văn Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hiện hành. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc.



Dương Văn Hồng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2018

Số: 446/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
của Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP, được lập ngày 14/4/2018, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do khoản mục hàng tồn kho của Tổng Công ty không tập trung, không được Tổng công ty yêu cầu tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tại thời điểm 31/12/2017 nên chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác nhưng các thủ tục này cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán để cho phép chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của khoản mục hàng tồn kho trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ một số khoản công nợ phải thu, phải trả, tạm ứng tại thời điểm khoá sổ kế toán 31/12/2017. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán để xem xét các số dư này, tuy nhiên các thủ tục do chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết, do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về số liệu của các số dư chưa có đối chiếu.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu đã quá hạn thanh toán và dự phòng khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, số dự phòng ước tính cần phải trích lập lần lượt là 107.269.229.366 đồng và 6.953.982.038 đồng. Do đó sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận và các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty với số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần ngày 08/11/2016. Do vậy, số liệu so sánh Tổng Công ty trình bày là số liệu của cả năm 2016 được tổng hợp bởi kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 7/11/2016 của Công ty TNHH MTV và kỳ từ ngày 8/11/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty cổ phần. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, công tác bàn giao phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần chưa được hoàn thành.



Đinh Văn Thắng**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 03/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.**

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2018

Nguyễn Thị Mai Hoa**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		518.942.234.042	593.290.338.443
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	25.938.253.621	11.308.152.374
1. Tiền	111		25.938.253.621	11.308.152.374
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.500.000.000	1.015.500.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	1.500.000.000	1.015.500.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		392.076.876.740	465.634.185.012
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	197.617.715.905	249.652.253.150
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.419.128.469	22.385.480.829
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		10.607.573.075	10.314.973.075
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	171.352.697.630	183.121.354.280
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		79.761.661	160.123.678
IV. Hàng tồn kho	140		95.104.610.687	113.348.023.292
1. Hàng tồn kho	141	5.5	95.104.610.687	113.348.023.292
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.322.492.994	1.984.477.765
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	74.529.514	149.478.971
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.006.050.603	1.818.502.652
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	241.912.877	16.496.142
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		271.236.063.250	285.483.949.532
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		113.375.700.053	125.607.950.090
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	113.375.700.053	125.607.950.090
- Nguyên giá	222		178.927.045.761	186.370.124.080
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.551.345.708)	(60.762.173.990)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		158.450.000	158.450.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.450.000)	(158.450.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		212.611.623	191.052.531
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	212.611.623	191.052.531
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	153.332.764.593	153.332.764.593
1. Đầu tư vào công ty con	251		119.549.258.805	119.549.258.805
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		12.880.647.106	23.118.869.031
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.902.858.682	10.664.636.757
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.314.986.981	6.352.182.318
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	4.237.195.914	6.274.391.251
4. Tài sản dài hạn khác	268		77.791.067	77.791.067
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		790.178.297.292	878.774.287.975

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		590.373.064.264	645.797.660.889
I. Nợ ngắn hạn	310		589.380.671.780	645.461.100.889
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	102.785.393.443	153.168.253.701
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		59.805.067.835	43.750.955.578
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	107.815.051.692	118.191.559.635
4. Phải trả người lao động	314		4.043.584.641	5.201.623.065
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	43.241.832.107	49.242.004.448
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		798.733.576	1.040.751.667
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	198.748.155.472	211.653.443.742
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	72.142.853.014	63.212.509.053
II. Nợ dài hạn	330		992.392.484	336.560.000
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		992.392.484	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	-	336.560.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		199.805.233.028	232.976.627.086
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	196.928.625.706	230.100.019.764
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		238.500.000.000	238.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		238.500.000.000	238.500.000.000
8. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419		9.944.733.314	9.944.733.314
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(51.516.107.608)	(18.344.713.550)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(18.435.949.881)	(36.965.371.206)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(33.080.157.727)	18.620.657.656
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.876.607.322	2.876.607.322
1. Nguồn kinh phí	432		2.876.607.322	2.876.607.322
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		790.178.297.292	878.774.287.975
(440 = 300+400)				

Người lập



Kiều Thị Nguyệt Nga

Kế toán trưởng



Lê Thế Thủy

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2018

Tổng Giám đốc



Dương Văn Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	228.778.947.076	232.547.280.992
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		228.778.947.076	232.547.280.992
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	219.011.606.421	201.858.020.794
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		9.767.340.655	30.689.260.198
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	2.437.085.541	23.367.995.870
7. Chi phí tài chính	22	5.20	8.168.719.060	11.532.806.992
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.940.150.193	5.934.929.633
8. Chi phí bán hàng	25	5.21	1.045.879.948	678.152.923
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	35.349.765.311	34.781.994.105
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(32.359.938.123)	7.064.302.048
11. Thu nhập khác	31	5.22	4.962.916.515	20.901.403.824
12. Chi phí khác	32	5.22	5.774.372.450	13.027.635.527
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	(811.455.935)	7.873.768.297
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(33.171.394.058)	14.938.070.345
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	-	3.115.996.108
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	219.970.346
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(33.171.394.058)	11.602.103.891

Người lập



Kiều Thị Nguyệt Nga

Kế toán trưởng



Lê Thế Thủy

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2018

Tổng Giám đốc



Dương Văn Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(33.171.394.058)	14.938.070.345
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	10.945.268.450	9.151.849.688
- Các khoản dự phòng	03	-	(641.568.038)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	620.991	(484.988.517)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.455.271.952)	(15.393.438.246)
- Chi phí lãi vay	06	4.940.150.193	5.934.929.633
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(21.740.626.376)	13.504.854.865
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	71.179.506.686	98.123.506.409
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	18.243.412.605	(7.980.838.843)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(60.958.380.586)	(84.458.413.408)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.112.144.794	(553.570.803)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.940.150.193)	(5.934.929.633)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.060.000.000)	(35.231.185.508)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	818.431.433
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	835.906.930	(21.712.145.488)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(379.509.092)	(545.984.594)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.666.495.455	472.883.325
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.526.136.112)	(3.675.000.001)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.041.636.112	12.808.000.001
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.398.544.984	13.439.823.055
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.201.031.347	22.499.721.786
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ cho vay	33	106.366.912.806	83.073.001.969
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(97.773.128.845)	(100.077.494.656)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	8.593.783.961	(17.004.492.687)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	14.630.722.238	(16.216.916.389)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.308.152.374	27.477.168.131
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(620.991)	47.900.632
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	25.938.253.621	11.308.152.374

Người lập

(Signature)

Kiều Thị Nguyệt Nga

Kế toán trưởng

(Signature)

Lê Thế Thủy

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2018

Tổng Giám đốc



Dương Văn Hồng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được thành lập theo quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/TĐSĐ-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn sông Đà về Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/9/2017 về việc Điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong Phương án cổ phần hóa.

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/11/2017 về việc chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH MTV theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 107.000.000.000 đồng (Một trăm linh bảy tỷ đồng chẵn).

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 8/11/2017 là 238.500.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng)

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 125D Phố Minh Khai - Phường Minh Khai - Q. Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại ;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại ;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho cán bộ, công nhân kỹ thuật các chuyên ngành cơ khí, xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng làm việc;
- Thẩm tra thiết kế, tư vấn đấu thầu và thiết kế, thi công xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị, quản lý dự án;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đương bộ, lĩnh vực chuyên môn giám sát xây dựng và hoàn thiện;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát lắp đặt hệ thống điện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế hệ thống điện cho các công trình: dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án phát triển cơ khí, vật liệu xây dựng, điện, hạ tầng viễn thông, dầu khí, các dự án công nghiệp, dân dụng, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, bao gồm: lập và thẩm tra dự án đầu tư;
- Thi công xây lắp công trình công nghiệp dân dụng giao thông (đường bộ, đường sắt, bến cảng), thủy lợi (công trình trạm bơm, kênh mương, đê kè, hồ đập), cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; thi công các hệ thống điện công nghiệp, điện điều khiển và điện dân dụng, công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- Thi công lắp đặt các dây chuyền thiết bị đồng bộ;
- Dịch vụ vận tải, xếp dỡ;
- Sản xuất vật liệu cho ngành điện, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất dây truyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;
- Sản xuất, phân phối điện;
- Kinh doanh dây chuyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;
- Giáo dục mầm non;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2017: Gia công cơ khí lắp đặt công trình

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty có công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

Các Đơn vị hạch toán phụ thuộc (Đơn vị cấp dưới)

COMA 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng

COMA 15 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng

Trung tâm Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng

Nhà máy cơ khí Quang Minh - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)

Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai

Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)

Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27)

Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn

Các Công ty liên doanh

Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma

Các Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP ngoại Tổng công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2017.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP ngoại Tổng công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2017.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay, chi phí bản quyền trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- **Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài:** Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- **Lỗ đầu tư chứng khoán:** Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.943.806.166	2.274.256.694
Tiền gửi ngân hàng	22.994.447.455	9.033.895.680
Tổng	25.938.253.621	11.308.152.374

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	197.617.715.905	249.652.253.150
Công ty SINOMA Cung cấp thiết bị điện DA Xi măng Đồng Bành	34.472.561.394	34.472.561.394
Công ty Cổ phần VRG Daknong (CT Thủy điện Daksin I)	-	51.951.934.508
Trường ĐH Sư phạm Hà Nội (HĐ số 334B - Phần thân và hoàn thiện)	-	24.802.382.000
Công ty CP phát triển thương mại Việt Nam (chuyển nhượng cổ phần và dự án 2.5HH Lê Văn Thiêm)	32.228.493.386	14.526.903.386
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	130.916.661.125	123.898.471.862
Tổng	197.617.715.905	249.652.253.150

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	1.015.500.000	1.015.500.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	1.015.500.000	1.015.500.000
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	1.500.000.000	1.500.000.000	1.015.500.000	1.015.500.000

5.4 Phải thu khác

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	171.352.697.630	-	183.121.354.280	-
- Tạm ứng	15.483.751.884	-	17.948.350.780	-
- Ký cược, ký quỹ	1.487.101.955	-	3.502.335.518	-
- Phải thu khác	154.381.843.791	-	161.670.667.982	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	171.352.697.630	-	183.121.354.280	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	832.503.625	-	1.372.863.686	-
Công cụ, dụng cụ	98.243.386	-	102.257.840	-
Chi phí SX KDDD	83.972.737.343	-	98.521.055.151	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	10.201.126.333	-	13.351.846.615	-
Tổng	95.104.610.687	-	113.348.023.292	-

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	146.503.867.919	14.373.941.495	16.314.302.095	9.178.012.571	186.370.124.080
Tăng trong năm	-	347.445.455	-	30.454.545	377.900.000
Mua trong năm	-	347.445.455	-	30.454.545	377.900.000
Giảm trong năm	-	1.691.678.757	6.094.154.562	35.145.000	7.820.978.319
Thanh lý, nhượng bán	-	1.691.678.757	6.094.154.562	35.145.000	7.820.978.319
Số dư tại 31/12/2017	146.503.867.919	13.029.708.193	10.220.147.533	9.173.322.116	178.927.045.761
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	35.346.404.868	8.807.707.216	10.017.158.026	6.590.903.880	60.762.173.990
Tăng trong năm	6.610.928.624	1.429.345.695	1.618.915.574	1.317.074.010	10.976.263.903
Khấu hao trong năm	6.599.883.171	1.409.395.695	1.618.915.574	1.317.074.010	10.945.268.450
Điều chuyển, phân loại lại	11.045.453	-	-	-	11.045.453
Tăng khác	-	19.950.000	-	-	19.950.000
Giảm trong năm	-	1.686.022.635	4.465.924.550	35.145.000	6.187.092.185
Thanh lý, nhượng bán	-	1.674.977.182	4.465.924.550	35.145.000	6.176.046.732
Điều chuyển, phân loại lại	-	11.045.453	-	-	11.045.453
Số dư tại 31/12/2017	41.957.333.492	8.551.030.276	7.170.149.050	7.872.832.890	65.551.345.708
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	111.157.463.051	5.566.234.279	6.297.144.069	2.587.108.691	125.607.950.090
Tại 31/12/2017	104.546.534.427	4.478.677.917	3.049.998.483	1.300.489.226	113.375.700.053

10/1/19
 H
 JA
 IN

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm tin học	Giá trị thương hiệu	Tổng
NGUYỄN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2017	158.450.000	-	158.450.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	158.450.000	-	158.450.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2017	158.450.000	-	158.450.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	158.450.000	-	158.450.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2017	-	-	-
Tại 31/12/2017	-	-	-

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí dự án 11E6 Phạm Hùng	191.052.531	191.052.531
Chi phí sửa chữa khác	21.559.092	-
Tổng	212.611.623	191.052.531

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.9 Các khoản đầu tư dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2017			01/01/2017		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			119.549.258.805		-	119.549.258.805	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	51,38%	51,38%	14.475.873.012		-	14.475.873.012		-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	53,61%	53,61%	3.633.663.558		-	3.633.663.558		-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	51,39%	51,39%	8.492.821.032		-	8.492.821.032		-
Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	67,47%	67,47%	82.146.668.546		-	82.146.668.546		-
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	51,54%	51,54%	5.669.250.000		-	5.669.250.000		-
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27)	100,00%	100,00%	202.007.497		-	202.007.497		-
Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn	100,00%	100,00%	4.928.975.160		-	4.928.975.160		-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			12.880.647.106		-	23.118.869.031	-	-
Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	31,02%	31,02%	1.836.527.663		-	1.836.527.663		-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9	20,00%	20,00%	11.044.119.443		-	11.044.119.443		-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25	20,60%	20,60%	-		-	10.238.221.925		-
Đầu tư vào đơn vị khác			20.902.858.682		-	10.664.636.757	-	-
Công ty CP COMA Đầu tư kinh doanh Bất động Sản (COMARE)			562.478.011		-	562.478.011		-
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 10	9,54%	9,54%	500.000.000		-	500.000.000		-
Công ty CP thủy điện Hương Sơn	0,42%	0,42%	1.107.569.300		-	1.107.569.300		-
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 5	4,09%	4,09%	748.442.503		-	748.442.503		-
Công ty CP Cơ khí xây dựng Đại Mỗ (COMA 6)	9,70%	9,70%	7.246.146.943		-	7.246.146.943		-
Công ty CP Tư vấn xây dựng và Phát triển cơ khí	10,00%	10,00%	500.000.000		-	500.000.000		-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25	12,6%	12,6%	10.238.221.925		-			-
Tổng			153.332.764.593	(*)	-	153.332.764.593	(*)	-

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

NAM 22

THAI

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	74.529.514	149.478.971
Công cụ dụng cụ phân bổ	74.529.514	149.478.971
Dài hạn	4.237.195.914	6.274.391.251
Công cụ dụng cụ phân bổ	580.087.880	763.812.821
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	654.104.884	1.601.301.818
Chi phí thương hiệu	1.392.829.955	1.415.590.235
Lệ phí trước bạ	188.404.762	2.089.244.932
Chi phí cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	1.401.301.818	291.170.996
Chi phí khác	20.466.615	113.270.449
Tổng	4.311.725.428	6.423.870.222

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	102.785.393.443	102.785.393.443	153.168.253.701	153.168.253.701
Công ty CKXD số 2 Hà Bắc (COMA 2)	27.161.803.767	27.161.803.767	26.517.022.506	26.517.022.506
Công ty CP Cơ khí & Xây lắp Sông Chu - COMA 17	3.031.637.449	3.031.637.449	37.252.341.888	37.252.341.888
Công ty CP CKXD số 2.6 - COMA26	8.790.361.979	8.790.361.979	11.842.446.167	11.842.446.167
Phải trả người bán ngắn hạn khác	63.801.590.248	63.801.590.248	77.556.443.140	77.556.443.140
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	102.785.393.443	102.785.393.443	153.168.253.701	153.168.253.701

5.12 Thuế và các khoản thu, phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
Phải nộp	118.191.559.635	10.225.571.896	20.602.079.839	107.815.051.692
Thuế giá trị gia tăng	41.208.604.204	5.614.582.146	7.494.673.158	39.328.513.192
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.311.943.203	-	3.060.000.000	251.943.203
Thuế thu nhập cá nhân	361.276.846	182.221.548	280.023.888	263.474.506
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.499.390.833	1.422.309.411	947.339.399	6.974.360.845
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	14.565.939.980	88.750.326	173.902.516	14.480.787.790
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	52.244.404.569	2.917.708.465	8.646.140.878	46.515.972.156
Phải thu	16.496.142	-	225.416.735	241.912.877
Thuế giá trị gia tăng	-	-	225.416.735	225.416.735
Thuế XNK	10.613.473	-	-	10.613.473
Thuế thu nhập cá nhân	5.882.669	-	-	5.882.669

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	43.241.832.107	49.242.004.448
Trích trước các công trình	42.981.832.107	49.032.004.448
Trích trước các khoản khác	260.000.000	210.000.000
Dài hạn	-	-
Tổng	43.241.832.107	49.242.004.448

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	198.748.155.472	211.653.443.742
Kinh phí công đoàn	829.494.022	901.034.027
Bảo hiểm xã hội	5.779.524.472	5.187.661.460
Bảo hiểm y tế	1.419.703.394	1.524.352.736
Bảo hiểm thất nghiệp	529.203.993	572.784.601
Phải trả, phải nộp khác	-	-
<i>Huy động vốn mua nhà liền kề</i>	<i>2.677.500.000</i>	<i>2.677.500.000</i>
<i>Phí bảo trì chung cư Skylight</i>	<i>18.937.557.901</i>	<i>23.356.213.916</i>
<i>Phải trả thành phố quyền sử dụng đất</i>	<i>49.466.065.630</i>	<i>49.466.065.630</i>
<i>- DA Skylight</i>		
<i>Lợi nhuận phải trả Khóa Minh Khai</i>	<i>97.704.013.510</i>	<i>97.704.013.510</i>
<i>- Dự án Skylight</i>		
<i>Phải trả huy động vốn Xi măng Đồng Bành</i>	<i>5.575.000.000</i>	<i>6.271.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>15.830.092.550</i>	<i>23.992.817.862</i>
Dài hạn	-	-
Tổng	198.748.155.472	211.653.443.742

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ B 09-DN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay							
Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	72.142.853.014	72.142.853.014	106.366.912.806	97.436.568.845	63.212.509.053	63.212.509.053	63.212.509.053
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam_CN Hà Tây	26.467.462.424	26.467.462.424	40.042.952.282	23.876.524.320	10.301.034.462	10.301.034.462	10.301.034.462
Bộ Xây dựng	-	-	-	580.068.468	580.068.468	580.068.468	580.068.468
	5.200.000.000	5.200.000.000			5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam_CN Hai Bà Trưng	-	-	-	2.339.453.000	2.339.453.000	2.339.453.000	2.339.453.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội -CN Hai Bà Trưng	23.049.581.000	23.049.581.000	53.115.062.424	55.955.178.601	25.889.697.177	25.889.697.177	25.889.697.177
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội -CN Vạn Phúc (Habubank)	-	-	-	1.355.656.456	1.355.656.456	1.355.656.456	1.355.656.456
Ngân hàng TMCP Quân đội -CN Hai Bà Trưng	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000		-	-	-
Vay các đối tượng khác	14.425.809.590	14.425.809.590	10.208.898.100	13.329.688.000	17.546.599.490	17.546.599.490	17.546.599.490
Vay dài hạn							
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	336.560.000	336.560.000	336.560.000	336.560.000
	-	-	-	336.560.000	336.560.000	336.560.000	336.560.000
Tổng	72.142.853.014	72.142.853.014	106.366.912.806	97.773.128.845	63.549.069.053	63.549.069.053	63.549.069.053

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Theo HETD số 58/2014-HDTD/NHCT/142-TCTCKXD-CTTNHHMTV-COMA ngày 23/06/2014. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay thả nổi. Mục đích vay để thanh toán lương cho cán bộ CNV năm 2015.

Theo HETD số 12212/316/HETD ngày 31/8/2015, hạn mức tín dụng 51.779.470.750 đồng. Thời hạn của HETD là 08 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này, lãi suất thả nổi. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh để thực hiện thi công gói thầu chế tạo vận chuyển và lắp đặt kết cấu thép chính dự án đầu tư xây dựng nút giao thông Trung tâm quận Long Biên. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh theo Hợp đồng nguyên tắc số 16/2015/HĐNT/THAISON-COMA và HĐ số 29/2015/HĐXD-TS, các hợp đồng khác được ký kết liên quan đến dự án nút giao thông Long Biên.

HETD số 2411506519339TD ngày 23/4/2015, hạn mức vay là 10 tỷ đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, phát hành L/C phục vụ thi công dự án Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn theo HĐKT số 17111401/LILAMA-COMA ngày 17/11/2014 và HĐKT số 17111402/LILAMA-COMA ngày 17/11/2014. Thời hạn cấp hạn mức đến khi thực hiện xong dự án, thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức: 04 tháng/khế ước. Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: quyền khai thác tòa nhà điều hành, bất động sản số 241 Quan Hòa, Cầu Giấy, xe ô tô con, khoản phải thu từ HĐKT giữa COMA-LILAMA.

Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây theo hợp đồng số 01/2015/183458/HETD ngày 14/04/2015, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời gian vay dưới 12 tháng, lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị của Công ty và quyền sử dụng của bên thứ 3 theo hợp đồng thế chấp số 01/2011/HĐ ngày 29/07/2011.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCF

Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ hoạt động từ ngày 08/11/2016 đến ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	101.341.009.820	117.643.979.558	235.536.647	25.423.915.337	(29.659.027.834)	214.985.413.528
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	11.602.103.891	11.602.103.891
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(846.567.491)	(846.567.491)
Quyết toán giảm chi phí CPH bù vốn Nhà nước	-	(2.187.907.911)	-	-	-	(2.187.907.911)
Tặng khác	235.536.647	-	(235.536.647)	3.040.199.863	(331.661.116)	2.708.538.747
Điều chỉnh tăng vốn từ chênh lệch tỷ giá	106.748.570.953	(106.748.570.953)	-	-	-	-
Tăng vốn từ vốn góp cổ đông	2.948.000.000	-	-	-	-	2.948.000.000
Điều chỉnh từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp tăng vốn	18.519.381.886	-	-	(18.519.381.886)	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	890.439.000	890.439.000
Số dư tại 31/12/2016	238.500.000.000	-	-	9.944.733.314	(18.344.713.550)	230.100.019.764
Số dư tại 01/01/2017	238.500.000.000	-	-	9.944.733.314	(18.344.713.550)	230.100.019.764
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(33.171.394.058)	(33.171.394.058)
Số dư tại 31/12/2017	238.500.000.000	-	-	9.944.733.314	(51.516.107.608)	196.928.625.706

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	235.552.000.000	235.552.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	2.948.000.000	2.948.000.000
Tổng	238.500.000.000	238.500.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	238.500.000.000	238.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	238.500.000.000	238.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	23.850.000	23.850.000
Số lượng cổ phiếu phát hành trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành cuối năm	23.850.000	23.850.000
Cổ phiếu phổ thông	23.850.000	23.850.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	158.981.741.052	160.990.209.953
Doanh thu Kinh doanh bất động sản	3.011.570.867	10.749.762.011
Doanh thu kinh doanh vật tư	6.435.362.833	10.880.305.354
Doanh thu kinh doanh dịch vụ	26.774.263.033	22.170.722.792
Doanh thu gia công xây lắp	32.736.990.516	25.477.207.250
Doanh thu khác	839.018.775	2.279.073.632
Tổng	228.778.947.076	232.547.280.992

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn xây lắp	164.236.357.265	156.836.968.003
Giá vốn bất động sản	3.011.570.867	(3.425.184.964)
Giá vốn kinh doanh vật tư	6.435.362.833	10.697.714.262
Giá vốn kinh doanh dịch vụ	12.614.553.044	9.665.706.843
Giá vốn gia công xây lắp	32.713.762.412	28.082.816.650
Tổng	219.011.606.421	201.858.020.794

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.173.026.184	861.393.148
Lãi bán các khoản đầu tư	-	13.023.360.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.260.681.900	1.511.818.364
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.867.885	847.730.444
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	509.572	-
Đánh giá lại các khoản đầu tư	-	7.123.693.914
Tổng	2.437.085.541	23.367.995.870

5.20 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	4.940.150.193	5.934.929.633
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	149.035.040
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.957.259.749	643.493.801
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.130.563	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		(2.317.582.116)
Đánh giá các khoản đầu tư	-	6.985.529.883
Chi thuê tài sản	270.178.555	124.950.000
Chi phí tài chính khác	-	12.450.751
Tổng	8.168.719.060	11.532.806.992

5.21 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí bán hàng	1.045.879.948	678.152.923
Chi phí bán hàng khác	1.045.879.948	678.152.923
Chi phí quản lý	35.349.765.311	34.781.994.105
Chi phí nhân viên quản lý	17.350.320.542	17.871.798.039
Chi phí quản lý khác	17.999.444.769	16.910.196.066
Tổng	36.395.645.259	35.460.147.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	2.021.563.868	2.254.123.510
Thu thanh lý CCDC	4.100.000	-
Điều chỉnh quyết toán công trình	2.657.869.771	-
Thu lãi tiền vay thi công công trình		3.762.654.949
Hoàn trích trước chi phí công trình	-	2.744.309.481
Thu tiền bồi thường thiệt hại	-	213.414.136
Tiền thuê đất dự án Lê Văn Thiêm	-	1.930.122.000
Thu nhập khác	83.772.398	749.649.284
Xử lý công nợ	195.610.478	5.270.360.052
Tiền thuê đất được miễn giảm		3.976.770.412
Tổng	4.962.916.515	20.901.403.824
Chi phí khác		
Phạt chậm tiến độ công trình	-	1.010.000.000
Giá trị còn lại, chi phí tài sản thanh lý	-	2.246.385.767
Giá trị vật tư thanh lý	2.376.635	-
Điều chỉnh quyết toán công trình	471.935.041	-
Giảm chi phí công trình	1.294.804.800	-
Phạt chậm nộp thuế	3.290.310.590	7.267.617.316
Lãi chậm nộp BHXH	488.137.938	705.124.760
Chi bồi thường thiệt hại	-	213.414.136
Phí thương hiệu	-	343.658.508
Xử lý vật tư, CCDC hỏng	17.730.772	-
Chi phí khác	209.076.674	1.241.435.040
Tổng	5.774.372.450	13.027.635.527
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(811.455.935)	7.873.768.297

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	3.115.996.108
Tổng	-	3.115.996.108

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	150.938.001.543	204.335.305.134
Chi phí nhân công	35.113.766.110	29.510.730.807
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.945.268.450	8.535.914.277
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.615.450.862	14.176.369.603
Chi phí khác bằng tiền	15.350.063.961	18.089.100.632
Tổng	229.962.550.926	274.647.420.453

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Số dư các bên liên quan

Công nợ	Tính chất giao dịch	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	Phải trả người bán	(26.261.813.192)	(26.517.022.506)
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	Phải trả người bán	(7.143.710.680)	(6.389.448.565)
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	Phải thu nội bộ	-	-
Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	Phải trả người bán	(3.037.637.449)	(37.252.341.888)
	Phải thu nội bộ	461.396.972	461.396.972
	Phải thu khác	14.271.137.567	13.356.294.455
Công ty CP Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	Phải thu nội bộ	3.761.671.586	3.469.071.586
	Phải thu khác	15.140.147.574	15.200.043.824
	Phải trả người bán	(7.764.559.453)	(7.335.728.772)
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27)	Phải thu khác	1.165.050.527	1.165.050.527
	Phải trả người bán	(692.604.419)	(992.604.419)
Công ty CP Cơ khí và đầu tư xây dựng số 9 (COMA 9)	Phải thu khác	8.248.800	8.248.800
Công ty CP Xây lắp và Thương mại COMA 25	Phải thu nội bộ	260.231.000	260.231.000
	Phải thu khách hàng	13.664.041	13.664.041
	Phải thu khác	5.316.669.451	5.369.345.805
	Trả trước cho người bán	3.545.124.649	5.771.962.795

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	Doanh thu bán vật tư	7.886.652.259	7.083.044.090
	Chi phí thuê phụ /Cho thuê máy	46.927.373.549	15.214.782.662
	Cho vay	-	2.000.000.000
	Thu tiền cho vay	-	2.000.000.000
	Lãi tiền cho vay	601.331.800	159.595.800
	Phí thương hiệu	375.000.000	751.361.509
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	Cổ tức được chia	144.738.900	-
	Chi phí thuê phụ	4.922.625.820	-
	Phí thương hiệu	203.000.000	215.648.228
Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	Phí thương hiệu	198.018.775	211.232.060
	Doanh thu bán vật tư	1.978.567.927	516.536.492
	Chi phí thuê phụ	9.277.937.569	35.428.426.821
	Cho vay	-	2.700.000.000
Công ty cổ phần COMA 18	Lãi tiền cho vay	232.837.000	-
	Chi phí thuê phụ	-	-
	Doanh thu bán vật tư	-	571.428.571
Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	Phí quản lý	-	46.906.747
	Cho vay	915.332.000	1.474.501.000
	Doanh thu dịch vụ	13.348.380	7.586.112
	Phí thương hiệu	266.000.000	233.925.088
Công ty CP Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	Doanh thu bán vật tư	-	171.682.000
	Chi phí thuê phụ	1.357.155.195	-
	Cho thuê máy	-	90.909.091
	Doanh thu dịch vụ	-	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27)	Chi phí thuê phụ	-	16.773.433
	Doanh thu dịch vụ	-	-
Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Cổ tức được chia	-	-
	Doanh thu dịch vụ	210.383.087	-
Công ty CP cơ khí và đầu tư xây dựng số 9 (COMA 9)	Cổ tức được chia	-	8.248.800
Công ty CP Xây lắp và Thương mại COMA 25	Chi phí thuê phụ	3.053.415.827	-

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập và điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế năm 2015, 2016. Số liệu theo Biên bản thanh tra Tổng Công ty điều chỉnh vào năm tài chính 2016. Cụ thể thay đổi như sau:

Chi tiêu Bảng Cân đối kế toán

Chỉ tiêu	01/01/2017 VND	31/12/2016 VND	Chênh lệch VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	249.652.253.150	247.789.389.332	1.862.863.818
Phải thu ngắn hạn khác	183.121.354.280	183.180.205.280	(58.851.000)
Thuế GTGT được khấu trừ	1.818.502.652	2.417.417.263	(598.914.611)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16.496.142	3.989.763.491	(3.973.267.349)
Cộng thay đổi Tài sản			(2.768.169.142)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	118.191.559.635	119.702.484.003	(1.510.924.368)
Chi phí phải trả ngắn hạn	49.242.004.448	30.428.204.168	18.813.800.280
Phải trả ngắn hạn khác	211.653.443.742	213.302.164.764	(1.648.721.022)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(18.344.713.550)	77.610.482	(18.422.324.032)
Cộng thay đổi Nguồn vốn			(2.768.169.142)

Chi tiêu Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2016 (sau điều chỉnh)	Năm 2016 (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	232.547.280.992	233.129.362.261	(582.081.269)
Giá vốn hàng bán	201.858.020.794	178.063.310.720	23.794.710.074
Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.781.994.105	34.586.605.153	195.388.952
Thu nhập khác	20.901.403.824	18.971.281.824	1.930.122.000
Chi phí khác	13.027.635.527	11.897.378.442	1.130.257.085
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.115.996.108	6.817.266.434	(3.701.270.326)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.602.103.891	31.673.148.945	(20.071.045.054)

Người lập



Kiều Thị Nguyệt Nga

Kế toán trưởng



Lê Thế Thủy

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2018

Tổng Giám đốc



Dương Văn Hồng